

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BL
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2023/HS-ST
Ngày 21-11-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BL, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Quang Thanh

Bà Lương Thị Nụ

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Văn San – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Đàm Thanh Tình- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng, tiến hành mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 50/2023/TLST-HS ngày 01/11/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2023/QĐXXST-HS ngày 08/11/2023 đối với các bị cáo:

Ma Văn H (tên gọi khác: Không), sinh ngày 15/02/1990 tại huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: xóm ĐS, xã NQ, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Tày, giới tính: Nam, tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Ma Văn T, sinh năm 1967 và con bà Chảo Thị D, sinh năm 1955; vợ: Ma Thị Th, sinh năm 1980; con 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án: 01, tại bản án 19/2021/HS-ST ngày 20/5/2021 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện BL kết án về tội Trộm cắp tài sản, xử phạt 08 tháng tù, bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 25/11/2021 (chưa được xóa án tích); Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/10/2023 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Ma Văn L (tên gọi khác: Không), sinh ngày 03/7/1986 tại huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: xóm ĐS, xã NQ, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Tày, giới tính: Nam, tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn B, sinh năm 1955 và con bà Ma Thị R (Đã chết); vợ: Lục Thị H, sinh năm 1987; con 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2013; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt hành chính; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/8/2023 đến nay tại xã NQ, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Lý Văn N, sinh ngày 15/3/1991; Nơi cư trú: xóm ĐS, xã NQ, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- Người làm chứng:

+ Ma Thế C, sinh ngày 14/8/1989; Nơi cư trú: xóm ĐS, xã NQ, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

+ Ma Thế Đ, sinh ngày 02/12/1985; Nơi cư trú: xóm ĐS, xã NQ, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 18 giờ 35 phút, ngày 12/6/2023, anh Lý Văn N, trú tại xóm ĐS, xã NQ, huyện BL đến trình báo với Công an xã NQ về việc khoảng 17 giờ ngày 12/6/2023 khi anh đang làm ruộng thì có người báo, có 02 thanh niên lạ mặt loanh quanh khu vực nhà anh, khi anh về nhà thì đã thấy 02 thanh niên chở 01 bao tải màu trắng, anh nghi đã trộm tài sản của gia đình anh nên anh đã báo trưởng xóm để chặn bắt. Trưởng xóm và thôn đội trưởng đuổi theo nên hai thanh niên đã vứt bao tải ở lề đường và tẩu thoát, kiểm tra bên trong bao tải là 01 con dê, 02 thanh niên bỏ chạy là Ma Văn H và Ma Văn L.

Tại cơ quan điều tra, xác định được như sau: Khoảng 17 giờ ngày 12/6/2023, Ma Văn L điều khiển xe máy nhãn hiệu HONDA Blade BKS 11L1 - xxx về nhà xóm ĐS, xã NQ, huyện BL, trên đường về, L gặp Ma Văn H đang đứng cạnh đường, H gọi lại và xin đi theo. Đến địa phận xóm ĐS, L và H thấy một con dê màu nâu đen ở ven đường, xung quanh không có người, thấy vậy, H bảo L “Dừng xe, lấy dê đi”, L nói “không lấy nữa, ban ngày ban mặt, người ta bắt”. H nói “hộ tao lấy đi”, L đồng ý nên dừng xe ở lề đường, H xuống xe bảo L chờ H đi tìm bao tải, khoảng 10 phút sau, H cầm một chiếc bao tải màu trắng và bảo L ở lại xe cảnh giới. H đi xuống dưới bắt dê, sau khi bắt được dê, H giữ được hai cái sừng dê nhưng không cho dê vào trong bao được nên H gọi L xuống giúp, L đi xuống, dùng hai tay mở rộng bao tải để H đẩy con dê vào trong bao. Sau đó, H dùng tay túm miệng bao tải lại và xách lên chỗ để xe máy. L điều khiển xe chở H, H ôm bao tải có chứa con dê đi về nhà, H nói, không biết chỗ bán, cứ đem về nhà trước. Lúc này, Lý Văn N về nhà và phát hiện bị mất trộm, nhìn thấy 01 xe máy chở theo 01 bao tải, N đã gọi điện thoại cho trưởng xóm là Ma Thế C để nhờ C giúp chặn đường, kiểm tra. C nhận được điện thoại của N đã cùng Đ đi xe máy ngược chiều về phía nhà của N. Khi đến khu vực đoạn dốc xóm ĐS thì H và L gặp C và Đ đi ngược chiều. Đ hô hoán bảo L dừng lại nhưng H bảo với L “Phi đi”, nghe vậy, L tăng tốc bỏ chạy. Đ quay xe máy đuổi theo L, được khoảng 50 m thì H vứt bao tải đựng con dê xuống đường, L tiếp tục điều khiển xe máy về nhà. Đ và C dừng xe không đuổi theo nữa và mở bao tải ra kiểm tra, thấy 01 con dê màu nâu, sau đó gọi điện thoại cho N, N xác nhận chính là con dê của gia đình bị mất trộm.

Tại biên bản cân tang vật ngày 12/6/2023, kết quả, 01 con dê màu nâu đen, phần quanh mắt và quanh miệng có đám lông màu trắng, có khối lượng 22 kg.

Kết luận định giá tài sản số 68a/KL-HĐĐGTS, ngày 26/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện BL, tỉnh Cao Bằng kết luận: Giá trị của con dê là 2.640.000 đồng.

Lý Văn N đã nhận lại được dê, không yêu cầu bồi thường. Vật chứng vụ án gồm 01 bao tải dứa màu trắng, 01 xe máy BKS 11L1-xxx được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

Với các chứng cứ nêu trên, bản Cáo trạng số 52/CT-VKSBL ngày 31/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Ma Văn H, Ma Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã nêu, các bị cáo thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện BL truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội; Bị hại Lý Văn N không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường; Người làm chứng C, Đ xác nhận, đúng các bị cáo H, L là người đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 con dê màu nâu của anh Lý Văn N.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BL vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Ma Văn H, Ma Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị áp dụng khoản 1, Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s, khoản 1, Điều 51; điểm h, khoản 1, Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Ma Văn H từ 12 tháng tù đến 18 tháng tù; đề nghị áp dụng khoản 1, Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s, i, khoản 1, Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Ma Văn L từ 06 tháng tù đến 12 tháng tù; Về hình phạt bổ sung, đề nghị không áp dụng; Về trách nhiệm dân sự, bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên không đề nghị xem xét; Về xử lý vật chứng: Về vật chứng: đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, tịch thu, tiêu hủy 01 bao tải dứa màu trắng; tịch thu, phát mại, sung quỹ Nhà nước 01 xe máy BKS 11L1-xxx. Về án phí, đề nghị buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng, các bị cáo tự nhận thực hiện hành vi trộm cắp của người khác là sai, đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất để các bị cáo sớm trở về gia đình chăm sóc người thân, là người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BL, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện BL trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố

tụng, do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BL, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện BL là hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do đó, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 17 giờ 00 phút, ngày 12/6/2023 tại xóm ĐS, xã NQ, huyện BL, tỉnh Cao Bằng, các bị cáo Ma Văn H, Ma Văn L lợi dụng sự sơ hở của anh Lý Văn N, lén lút chiếm đoạt 01 con dê màu nâu khối lượng 22 kg, trị giá 2.640.000 đồng của anh N nhằm bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của người khác có trị giá 2.640.000 đồng (trên 2.000.000 đồng) của các bị cáo H, L đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự, vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng đã truy tố các bị cáo H, L là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đồng phạm, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn, các bị cáo không có sự chuẩn bị trước, không tổ chức cấu kết chặt chẽ khi thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, vị trí vai trò các bị cáo là khác nhau, bị cáo H là người chủ động, rủ rê, đề xuất đồng thời là người thực hành tích cực, bị cáo L lúc đầu không đồng ý thực hiện hành vi trộm cắp với bị cáo H nhưng dưới sự tác động của bị cáo H, bị cáo L đã đồng ý, bị cáo L là người giúp sức, giữ nhiệm vụ canh giới, lấy tài sản vào bao, cần áp dụng Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo. Các bị cáo phạm tội vào ban ngày, hành vi phạm tội của các bị cáo tuy có tính chất ít nghiêm trọng nhưng đã gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, xâm phạm trực tiếp đến tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, cần thiết phải áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

[4] Nhân thân: Các bị cáo được gia đình cho ăn học đến lớp 6 thì bỏ học và sinh sống tại địa phương nhưng các bị cáo không chịu lao động, tu chí làm ăn mà ham chơi, đua đòi, nghiện ma túy. Bị cáo H có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích; kết quả xác minh ngày 14/6/2023 tại xóm ĐS, xã NQ, huyện BL của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BL, xác định, các bị cáo H, L nghiện ma túy, thường xuyên trộm cắp vặt nên Hội đồng xét xử xác định các bị cáo đều có nhân thân xấu.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo H đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản theo bản án 19/2021/HS-ST ngày 20/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện BL, bị xử phạt 08 tháng tù, bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 25/11/2021, tính đến ngày phạm tội lần này (12/6/2023), bị cáo chưa được xóa án tích theo điểm b, khoản 2, Điều 70 của Bộ luật Hình sự, do đó, bị cáo H phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” theo điểm h, khoản 1, Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo L không có tình tiết tăng nặng.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo đã thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Ma Văn L phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Xét thấy, bị cáo H đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản nhưng không lấy đó làm bài học lại tiếp tục phạm tội, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt; bị cáo L lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng bị cáo có nhân thân xấu, do đó, cũng cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gia nhất định. Các bị cáo trộm cắp tài sản có giá trị không lớn nên chỉ cần xử phạt các bị cáo ở mức đầu khung hình phạt. Bị cáo H là người khởi xướng, thực hành tích cực, tái phạm nên mức hình phạt cao hơn bị cáo L. Các bị cáo có tình tiết giảm nhẹ nên được Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo, sớm trở về với gia đình và xã hội.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5, Điều 173 của Bộ luật Hình sự, các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, xét thấy các bị cáo là người nghiện ma túy, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền các bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lý Văn N đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Vật chứng vụ án: Đối với 01 bao tải dưa màu trắng là vật không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu huỷ theo điểm a, khoản 1, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, khoản 2, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; 01 xe máy BKS 11L1-xxx là tài sản của bị cáo Ma Văn L, các bị cáo đã sử dụng xe để chở tài sản trộm cắp, khi bị truy đuổi thì bị cáo L tiếp tục điều khiển xe phóng nhanh nhằm tẩu thoát, cần tịch thu, phát mại, nộp ngân sách Nhà nước theo điểm a, khoản 1, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, khoản 2, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[11] Về nghĩa vụ chịu án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[13] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BL về tội danh, mức hình phạt, hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí đều phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; Lời nói sau cùng của các bị cáo đã được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Ma Văn H, Ma Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Điều luật áp dụng và hình phạt.

- Áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm s, khoản 1, Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Ma Văn H. Xử phạt bị cáo Ma Văn H 14 (mười bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam là ngày 02/10/2023.

- Áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm s, i, khoản 1, Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Ma Văn L. Xử phạt bị cáo Ma Văn L 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, khoản 1, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, khoản 2, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 (Một) bao tải dừa màu trắng.

- Tịch thu, phát mại, nộp ngân sách Nhà nước: 01 (Một) xe máy nhãn hiệu Honda Blade màu đỏ đen mang biển kiểm soát 11L1-xxx, số khung RLHJA3630KY014652, số máy: JA36E0823993, có dung tích xi lanh: 109 cm³, xe không có gương chiếu hậu, cụm đèn hậu bị vỡ, xe cũ đã qua sử dụng (Có chìa khoá kèm theo).

Xác nhận, các vật chứng trên đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện BL, tỉnh Cao Bằng và được ghi chi tiết tại biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 06 ngày 01/11/2023.

4. Án phí: Áp dụng khoản 2, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Ma Văn H, Ma Văn L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện BL;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan THAHS huyện BL;
- Thi hành án dân sự huyện BL;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Hoàng Thị Kim